

Bản án số: 99/2026/HS-ST
Ngày 24 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Tạ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Văn Tu và bà Lê Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Nhữ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Vũ Hồng L, sinh năm 1969 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: số F, ngõ A đường L, phường L, thành phố Hà Nội; số CCCD: 03606900xxxx; nghề nghiệp: Giám đốc công ty cổ phần P4; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ1 sinh hoạt Đảng tại Chi bộ A, phường L, thành phố Hà Nội đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Vũ Văn D, sinh năm 1944 và bà Vũ Thị L1, sinh năm 1949; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2. Nguyễn Đình T, sinh năm 1979 tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: LK20B-08 KĐT mới V, phường K, thành phố Hà Nội; số CCCD: 00107902xxxx; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần X; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1948 và bà Đào Thị H1 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị O, sinh năm 1978; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006;

tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

3. Nguyễn Phúc M, sinh năm 1978 tại thành phố Hà Nội; nơi ĐKHKTT: xóm N, thôn Đ, xã H, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện tại: căn 17/30 tòa HH02C, KĐT T, xã B, thành phố Hà Nội; số CCCD: 00107801xxxx; nghề nghiệp: Tổng giám đốc Công ty CP V2; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Thế H2, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1955; có vợ là Nguyễn Thị Như H3, sinh năm 1979; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

4. Nguyễn Thanh L2, sinh năm 1979 tại thành phố Hà Nội; nơi ĐKHKTT: thôn S, xã Y, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện tại: CH415 C1 PH M, phường Y, thành phố Hà Nội; số CCCD: 00107904xxxx; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần D5; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ1 sinh hoạt tại Chi bộ V3 thuộc Đảng ủy phường D, thành phố Hà Nội đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952; có vợ là Nguyễn Thị Hồng H4, sinh năm 1983; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

5. Phạm Văn T1, sinh năm 1968 tại tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: thôn N, xã Đ, tỉnh Hưng Yên; số CCCD: 03406802xxxx; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T11; trình độ văn hoá: 07/10; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông Phạm Văn H5 (đã chết) và bà Đỗ Thị D2 (đã chết); có vợ là Lương Thị H6, sinh năm 1971; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 29/11/2000, bị Công an tỉnh H (nay là Hải Phòng) xử phạt vi phạm hành chính với số tiền phạt là 200.000 đồng về hành vi đánh bạc; tạm giữ, tạm giam: không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

6. Phạm Văn T2, sinh năm 1975 tại tỉnh Hưng Yên; nơi ĐKHKTT: số A Quán T, phường B, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện tại: số D ngách E, ngõ C A, phường H, thành phố Hà Nội; số CCCD: 03407502xxxx; nghề nghiệp: Chủ tịch HĐQT Công ty CP T12; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông Phạm Văn Q, sinh năm 1949 và bà Phạm Thị T3, sinh năm 1953; có vợ là Phạm Thu H7, sinh năm 1976; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2011; tiền

án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

7. Bùi Thị Thu H8, sinh năm 1975 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: P313 - G, phường T, thành phố Hà Nội; số CCCD: 03017500xxxx; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty TNHH D6; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông Bùi Đình D3 (đã chết) và bà Lê Thị T4, sinh năm 1945; có chồng là Nguyễn Việt P1, sinh năm 1974; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

8. Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1964 tại tỉnh Ninh Bình; nơi ĐKHKTT: Cụm B, xã Ô, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: căn 2703, chung cư N, số A P, phường G, thành phố Hà Nội; số CCCD: 00106400xxxx; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ phần X1; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Duy C (đã chết) và bà Trần Thị T5 (đã chết); có vợ là Nguyễn Minh U, sinh năm 1972; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- Nguyên đơn dân sự:

+ Thuê thành phố H; địa chỉ: số A G, phường Ô, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Mạnh C1; chức vụ: Trưởng thuê Thành phố Hà Nội; người đại diện theo ủy quyền: bà Hoàng Lan A và bà Trần Thị P2; chức vụ: Công chức Phòng nghiệp vụ, dự toán, pháp chế - Thuê Thành phố H (văn bản ủy quyền số 12781/HAN-NVDTTPC ngày 10/4/2026). Ông C1, có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Lan A và bà P2 có mặt.

+ Thuê cơ sở 4 thành phố Hà Nội; địa chỉ: số A Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức H9; chức vụ: Trưởng thuê cơ sở 4 thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Thuê cơ sở 5 thành phố Hà Nội; địa chỉ: số A N, phường C, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hải V; chức vụ: Trưởng thuê cơ sở 5 thành phố Hà Nội; người đại diện theo ủy quyền: ông Trịnh Quốc H10; chức vụ: Tổ trưởng tổ Nghiệp vụ, dự toán, pháp chế và ông Lê Quang H11; chức vụ: Phó tổ trưởng Tổ quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp (Văn bản ủy quyền số 12946/TCS5-NVDTTPC ngày 20/4/2026). Ông H10 và ông H11 có mặt.

+ Thuê cơ sở 11 thành phố Hà Nội; địa chỉ: C5/CCK C, phố N, phường V, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hữu N1; chức vụ: Trưởng thuê cơ sở 11 Thành phố Hà Nội; người đại diện theo ủy quyền: Ông

Lương Tường L3; chức vụ: Phó trưởng Thuế cơ sở 11 Thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền số 11380/GUQ-TCS11-HCTH ngày 14/4/2026). Ông Lương Tường L3 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Thuế cơ sở 14 thành phố Hà Nội; địa chỉ: số A N, xã T, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc P3; chức vụ: Trưởng thuế cơ sở 14 thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Thuế cơ sở 15 thành phố Hà Nội; địa chỉ: số A T, phường H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức T6; chức vụ: Trưởng thuế cơ sở 15 Thành phố Hà Nội. Ông Nguyễn Đức T6 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Thuế cơ sở 9 tỉnh Hưng Yên; địa chỉ: số B H, xã T, tỉnh Hưng Yên; Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Thanh G; chức vụ: Trưởng T tỉnh Hưng Yên. Ông Đỗ Thanh G có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Vũ Chí Đ; sinh năm 1973; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Thu T7, sinh năm 1995; vắng mặt.

+ Ông Đỗ Hoàng H12, sinh năm 1978; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Anh T8, sinh năm 1994; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích thu lợi bất chính, từ tháng 6/2021 đến tháng 12/2022, Vũ Chí Đ, sinh năm 1973; trú tại: phòng F, chung cư F, ngõ E đường L, phường C, thành phố Hà Nội đã mua mới, thành lập, quản lý và điều hành 06 công ty gồm: công ty TNHH Đ2, công ty TNHH P5, công ty TNHH X2, công ty TNHH V4, công ty TNHH K1, công ty TNHH X2 để bán trái phép 1.305 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa cho các công ty khác thu lợi bất chính.

Từ tháng 9/2021 đến tháng 8/2022, Trần Thị Thu T7, sinh năm 1995 cùng với Trần Đình C2, sinh năm 1956; cùng trú tại: xóm F, xã X, tỉnh Ninh Bình đã thành lập công ty TNHH D7 để bán trái phép tổng số 244 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa cho các cá nhân, tổ chức khác thu lợi bất chính.

Trong năm 2022, Đỗ Hoàng H12, sinh năm 1978; trú tại: phòng F tòa N khu C T, phường H, thành phố Hà Nội là Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần Đ3 (Công ty Đ3) đã mua của Vũ Chí Đ 223 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hoá để hợp thức hàng hoá đầu vào và bán trái

phép 279 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa từ Công ty Đ3 cho các cá nhân, tổ chức thu lợi bất chính.

Hành vi nêu trên của Vũ Chí Đ, Trần Thị Thu T7, Đỗ Hoàng H12 và một số đối tượng có liên quan đã bị các Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Ninh Bình khởi tố, truy tố và xét xử theo quy định của pháp luật. Do thời hạn điều tra đã hết, Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh N tách hành vi của một số đối tượng mua hoá đơn GTGT không của Vũ Chí Đ, Trần Thị Thu T7 và Đỗ Hoàng H12 để kê khai quyết toán thuế nhưng chưa bị xử lý để tiếp tục thu thập chứng cứ, tài liệu xử lý theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

1. Hành vi trốn thuế của Phạm Văn T1 - Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thủy Thanh Tùng

Công ty TNHH thương mại và vận tải Thủy Thanh Tùng (Công ty T11), địa chỉ tại: xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Năm 2022, Công ty T11 có ký hợp đồng bán than cho công ty cổ phần V5, công ty cổ phần V6 và công ty cổ phần V7. Để có nguồn than xuất bán cho 03 công ty trên, Phạm Văn T1 đã liên hệ mua than của một số cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng). Tuy nhiên, các cá nhân, tổ chức này không xuất đủ hóa đơn GTGT cho công ty T11 nên T1 đã nhờ một người tên là N1 (T1 không nhớ nhân thân, lai lịch) mua trái phép 02 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa của công ty P5 và công ty K1 với tổng số tiền trước thuế là 2.001.423.100 đồng để hợp pháp hàng hóa đầu vào, kê khai quyết toán thuế cho công ty T11.

Để hợp thức hóa việc thanh toán tiền hàng và trả tiền mua hóa đơn, công ty P5 và công ty K1 cho mượn tiền trước, tiền được chuyển từ tài khoản số 48010000712650 mang tên Trần Thị Anh T8, sinh năm 1994; trú tại: xóm A, xã X, tỉnh Ninh Bình vào tài khoản cá nhân của Phạm Văn T1 số tiền 2.146.567.310 đồng. Sau đó, T1 chuyển số tiền này vào tài khoản công ty T11 rồi chuyển khoản thanh toán cho công ty P5, công ty K1 số tiền 2.201.565.410 đồng (trong đó có cả tiền phí mua hóa đơn). Phạm Văn T1 đã sử dụng 02 hóa đơn GTGT trên kê khai thuế GTGT quý 4/2022 và hạch toán chi phí tính thuế TNDN năm 2022 cho công ty T11.

Ngày 04/8/2025, Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh N ra quyết định trưng cầu Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thuế thuộc Thuế tỉnh Ninh Bình giám định tài chính.

Tại Bản kết luận giám định ngày 22/8/2025 của Tổ giám định Thuế tỉnh Ninh Bình, kết luận: việc công ty T11 đã sử dụng 02 hóa đơn GTGT bất hợp pháp của công ty P5 và công ty K1 để kê khai báo cáo thuế đã làm giảm số tiền thuế GTGT và tiền thuế TNDN phải nộp là hành vi “*Trốn thuế*”; cụ thể: giảm số thuế GTGT phải nộp với số tiền là 163.557.022 đồng; tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ

chuyển kỳ sau với số tiền là 36.585.288 đồng và giảm tiền thuế TNDN phải nộp năm 2022 số tiền là 364.688.432 đồng.

2. Hành vi trốn thuế của Bùi Thị Thu H8 - Giám đốc Công ty TNHH Dệt may Vintexco

Công ty TNHH dệt may Vintexco (Công ty D6); địa chỉ đăng ký tại: số B, ngõ B, phố Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (cũ). Năm 2022, Công ty D6 ký hợp đồng may thời trang với Công ty cổ phần T13. Để phục vụ việc sản xuất theo hợp đồng ký kết, Bùi Thị Thu H8 đã mua vải của các cửa hàng tại chợ N3, thành phố Hà Nội nhưng các cửa hàng này không xuất được hóa đơn GTGT nên H8 đã liên hệ mua 01 hóa đơn GTGT ghi khống hàng hóa của công ty TNHH D7 với tổng số tiền trước thuế là 695.250.000 đồng để hợp pháp đầu vào, kê khai quyết toán thuế cho Công ty D6 (do thời gian đã lâu nên H8 không nhớ đã liên hệ với ai để mua hóa đơn GTGT của Công ty D7).

Để hợp thức hóa việc thanh toán tiền hàng và trả tiền mua hóa đơn, công ty D7 cho mượn tiền trước, tiền được chuyển từ tài khoản số 109891119555 mang tên Trần Đình D4 (chồng Trần Thị Thu T7) vào tài khoản công ty D6 số 19037461043513, sau đó công ty D6 chuyển tiền thanh toán cho công ty D7. Sau khi mua được hóa đơn, H8 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT quý 2/2022 và hạch toán chi phí tính thuế TNDN năm 2022 cho công ty D6.

Ngày 21/4/2025, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu Giám định viên tư pháp Chi cục thuế khu vực IV (nay là T tỉnh Ninh Bình) giám định tài chính.

Tại bản kết luận giám định ngày 19/5/2025 của Tổ giám định Chi cục thuế khu vực IV kết luận: việc Công ty D6 đã sử dụng 01 hóa đơn bất hợp pháp của công ty D7 để hạch toán nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế phải nộp là hành vi “Trốn thuế”, làm giảm số tiền thuế phải nộp cho Nhà nước là 194.670.000 đồng, trong đó thuế GTGT là 55.620.000 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp là 139.050.000 đồng.

3. Hành vi trốn thuế của các đối tượng mua hóa đơn GTGT ghi khống nội dung hàng hóa của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng ToNa

3.1. Hành vi trốn thuế của Vũ Hồng L - Giám đốc Công ty Cổ phần phát triển xây dựng và thương mại Thành Long

Công ty cổ phần phát triển xây dựng và thương mại Thành Long (công ty P4); địa chỉ trụ sở tại: số A đường P, phường B, thành phố Hà Nội. Trong các năm 2021, 2022, công ty P4 có thi công một số công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội, Quảng Ninh và Hải Phòng. Quá trình thi công, công ty P4 đã thuê các tổ đội thi công không có tư cách pháp nhân nên không xuất được hóa đơn GTGT. Do cần hóa đơn để kê khai, báo cáo thuế nên Vũ Hồng L đã liên hệ với Đỗ Hoàng

H12 để mua 27 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa với tổng số tiền trước thuế là 17.458.611.061 đồng cho công ty P4.

Để hợp thức việc thanh toán tiền hàng, công ty P4 chuyển tiền từ tài khoản của công ty đến tài khoản của công ty Đ3. Sau khi nhận được tiền, Đỗ Hoàng H12 giữ lại tiền phí bán hóa đơn, số tiền còn lại H12 chuyển trả cho L. Sau khi mua được 27 hóa đơn GTGT, L đã sử dụng để kê khai thuế GTGT quý I, III và IV/2022, quý I/2023 và hạch toán chi phí tính thuế TNDN các năm 2022, 2023 cho công ty P4.

Ngày 02/10/2025, Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thuế thuộc Thuế tỉnh Ninh Bình giám định tài chính.

Tại Bản kết luận giám định ngày 03/11/2025, Tổ giám định thuộc Thuế tỉnh Ninh Bình kết luận: việc công ty P4 đã sử dụng 27 hóa đơn GTGT không hợp pháp để hạch toán nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế phải nộp là hành vi “Trốn thuế”, làm giảm số thuế GTGT phải nộp với số tiền là 227.475.956 đồng, tăng số thuế còn được khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền 1.269.568.195 đồng; làm giảm số tiền thuế TNDN phải nộp số tiền 3.491.722.212 đồng, trong đó năm 2022 là 3.267.607.512 đồng, năm 2023 là 224.114.700 đồng.

3.2. Hành vi trốn thuế của Nguyễn Đình T - Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng Đô thị Hòa Phú

Công ty cổ phần xây dựng Đô thị Hòa Phú (công ty X); địa chỉ trụ sở tại: số G T, khu đô thị V, phường K, thành phố Hà Nội. Các năm 2021, 2022, công ty X thực hiện thi công một số dự án trên địa bàn thành phố Hà Nội. Quá trình thi công, công ty X đã thuê các tổ đội thi công không có tư cách pháp nhân nên không xuất được hóa đơn GTGT. Để phục vụ việc hạch toán kê khai, báo cáo thuế, Nguyễn Đình T đã trực tiếp liên hệ với Đỗ Hoàng H12 để mua 22 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa với tổng số tiền trước thuế là 11.987.743.300 đồng.

Để hợp thức hóa việc thanh toán tiền hàng và trả tiền mua hóa đơn, công ty X đã chuyển tiền từ tài khoản của công ty đến tài khoản của công ty Đ3. Sau đó, công ty Đ3 giữ lại tiền phí bán hóa đơn, số tiền còn lại H12 chuyển trả cho T. Sau khi mua được 22 hóa đơn, Nguyễn Đình T đã sử dụng để kê khai thuế GTGT các tháng 01, 02, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12/2022 và tháng 02, 3/2023; hạch toán chi phí tính thuế TNDN các năm 2022, 2023 cho công ty X.

Ngày 02/10/2025, Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu Giám định viên tư pháp Thuế tỉnh Ninh Bình giám định tài chính.

Tại Bản kết luận giám định ngày 20/10/2025, Tổ giám định thuộc Thuế tỉnh Ninh Bình, kết luận: việc công ty X đã sử dụng 22 hóa đơn GTGT không hợp pháp để hạch toán nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế phải

nộp là hành vi “Trốn thuế”, làm giảm số tiền thuế GTGT phải nộp cho Nhà nước là 1.014.202.183 đồng và làm giảm số tiền thuế TNDN phải nộp cho Nhà nước là 2.397.548.660 đồng.

3.3. Hành vi trốn thuế của Nguyễn Phúc M - Giám đốc Công ty Cổ phần V2 và xây dựng Thống Nhất

Công ty cổ phần V2 (Công ty V2); địa chỉ trụ sở tại: tổ dân phố số B, phường K, thành phố Hà Nội. Từ năm 2020 đến năm 2022, công ty V2 có thi công một số công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội. Quá trình thi công, công ty V2 đã thuê các tổ đội thi công không có tư cách pháp nhân nên không xuất được hóa đơn GTGT. Do cần hóa đơn để kê khai, báo cáo thuế nên Nguyễn Phúc M đã liên hệ với Đỗ Hoàng H12 để mua 10 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa với tổng số tiền trước thuế là 4.398.043.269 đồng.

Để hợp thức hóa việc thanh toán tiền hàng và trả tiền mua hóa đơn, công ty V2 chuyển tiền từ tài khoản của công ty đến tài khoản của công ty Đ3. Khi nhận được tiền, H12 giữ lại tiền phí bán hóa đơn, số tiền còn lại H12 chuyển trả cho M. Sau khi mua được hóa đơn GTGT, Nguyễn Phúc M đã sử dụng để kê khai thuế GTGT các tháng 1, 3, 4/2022 và hạch toán chi phí tính thuế TNDN năm 2022 cho công ty V2.

Ngày 02/10/2025, Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thuế thuộc Thuế tỉnh Ninh Bình giám định tài chính.

Tại Bản kết luận giám định ngày 20/10/2025, Tổ giám định thuộc Thuế tỉnh Ninh Bình kết luận: việc công ty V2 đã sử dụng 10 hóa đơn GTGT không hợp pháp để hạch toán nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế phải nộp là hành vi “Trốn thuế”, làm thiếu số tiền thuế GTGT phải nộp là 277.181.546 đồng (trong đó quý 1/2022 là 20.357.234 đồng, quý 4/2022 là 256.824.313 đồng); tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau (quý 3/2022) là 74.105.132 đồng; giảm số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền 879.428.654 đồng.

3.4. Hành vi trốn thuế của Nguyễn Thanh L2 - Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư DTL Thăng Long

Công ty cổ phần Đầu tư DTL Thăng Long (công ty D5); địa chỉ trụ sở tại: số B T, khu đô thị phường K, thành phố Hà Nội. Năm 2019, công ty D5 thi công công trình “Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội” thuộc phường Y, thành phố Hà Nội. Quá trình thi công, công ty D5 thuê các tổ đội thi công không có tư cách pháp nhân nên không xuất được hóa đơn GTGT. Do cần hóa đơn GTGT để hạch toán, kê khai hàng hóa đầu vào nên Nguyễn Thanh L2 đã cung cấp thông tin về hồ sơ pháp lý nội dung cần ghi trên hóa đơn để tổ đội thi công liên hệ mua trái phép 01 hóa đơn GTGT của Công ty Đ3 với số tiền trước

thuế là 2.346.750.125 đồng cho công ty D5 (do thời gian đã lâu, L2 không xác định được thông tin cá nhân tổ đội liên hệ mua hóa đơn).

Để hợp thức hóa việc thanh toán tiền hàng và trả tiền mua hóa đơn, công ty D5 chuyển tiền từ tài khoản của công ty đến tài khoản của công ty Đ3. Công ty Đ3 giữ lại tiền phí bán hóa đơn, số tiền còn lại chuyển trả cho L2 (Liên không xác định được ai bên công ty Đ3 đã liên hệ trả lại tiền). Sau khi mua được hóa đơn, Nguyễn Thanh L2 đã sử dụng để hạch toán, kê khai thuế GTGT tháng 02/2022 và hạch toán chi phí tính thuế TNDN năm 2022 cho công ty D5.

Ngày 02/10/2025, Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thuế thuộc Thuế tỉnh Ninh Bình giám định tài chính.

Tại Bản kết luận giám định ngày 27/10/2025, Tổ giám định thuộc Thuế tỉnh Ninh Bình, kết luận: việc công ty D5 sử dụng 01 hóa đơn GTGT không hợp pháp để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào kỳ tính thuế tháng 02/2022 đã làm tăng số thuế GTGT được khấu trừ chuyển kỳ sau dẫn đến giảm số tiền thuế GTGT phải nộp 234.675.012 đồng, giảm tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2022 là 469.350.025 đồng.

3.5. Hành vi trốn thuế của Phạm Văn T2 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần T12

Công ty cổ phần T12 (công ty T12); địa chỉ trụ sở tại: số D, tổ C, phường T, thành phố Hà Nội. Năm 2022, công ty T12 nhận thi công một số công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội. Quá trình thi công, Phạm Văn T2 giao cho Đào Minh T9 là cán bộ kỹ thuật của Công ty T12 liên hệ thuê một người tên S (không rõ thông tin cá nhân) thực hiện thi công. Do S không có tư cách pháp nhân, không xuất được hóa đơn GTGT nên Phạm Văn T2 đã cung cấp thông tin về hồ sơ pháp lý, bảng khối lượng nhân công và vật liệu cho Đào Minh T9 để T9 chuyển cho S liên hệ với Công ty Đ3 mua 03 hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế là 1.309.603.994 đồng.

Để hợp thức hóa việc thanh toán tiền hàng và trả tiền mua hóa đơn GTGT, công ty T12 chuyển tiền từ tài khoản của công ty đến tài khoản của Công ty Đ3. Khi nhận được tiền, công ty Đ3 giữ lại tiền phí bán hóa đơn, số tiền còn lại Đỗ Hoàng H12 chuyển trả cho S. Sau khi mua được hóa đơn GTGT, Phạm Văn T2 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT quý 4/2022 và hạch toán chi phí tính thuế TNDN năm 2022 cho Công ty.

Ngày 21/11/2025, Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thuế thuộc Thuế tỉnh Ninh Bình giám định tài chính.

Tại Bản kết luận giám định ngày 15/12/2025, Tổ giám định tư pháp thuộc Thuế tỉnh N kết luận: việc công ty T12 đã sử dụng 03 hóa đơn GTGT không hợp

pháp để hạch toán nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế phải nộp là hành vi “Trốn thuế”, đã làm tăng số thuế GTGT được khấu trừ tại kỳ tính thuế quý 2 năm 2022 cụ thể: số thuế GTGT phải nộp tăng thêm số tiền 39.153.994 đồng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau, tại kỳ kê khai thuế quý 4/2022 số tiền 65.614.327 đồng. Số thuế thu nhập doanh nghiệp tăng thêm số tiền 261.920.798 đồng.

3.6. Hành vi trốn thuế của Nguyễn Ngọc K - Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng Minh Đức

Công ty cổ phần xây dựng Minh Đức (công ty X1); địa chỉ trụ sở tại: số A, ngõ H phố C, phường L, thành phố Hà Nội. Năm 2021, công ty X1 thi công nhà dân ở số B K, thành phố Hà Nội. Quá trình thi công, công ty X1 đã thuê các tổ đội thi công không có tư cách pháp nhân nên không xuất được hóa đơn GTGT. Do cần hóa đơn GTGT để hạch toán, kê khai báo cáo thuế nên Nguyễn Ngọc K đã cung cấp thông tin về hồ sơ pháp lý, nội dung cần ghi trên hóa đơn để tổ đội thi công liên hệ mua trái phép 01 hóa đơn GTGT của Công ty Đ3 với số tiền trước thuế là 407.949.400 đồng.

Để hợp thức hóa việc thanh toán tiền hàng và trả tiền mua hóa đơn GTGT, công ty X1 chuyển tiền từ tài khoản của công ty đến tài khoản của công ty Đ3. Công ty Đ3 giữ lại tiền phí bán hóa đơn, số tiền còn lại Đỗ Hoàng H12 chuyển trả lại cho tổ đội thi công. Sau khi mua được hóa đơn GTGT, Nguyễn Ngọc K đã sử dụng để kê khai thuế GTGT quý 2/2022 và hạch toán chi phí tính thuế TNDN năm 2022 cho công ty X1.

Ngày 21/11/2025, Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thuế thuộc Thuế tỉnh Ninh Bình giám định tài chính.

Tại Bản kết luận giám định ngày 15/12/2025, Tổ giám định tư pháp thuộc Thuế tỉnh Ninh Bình, kết luận: việc công ty X1 đã sử dụng 01 hóa đơn GTGT không hợp pháp để hạch toán nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế phải nộp là hành vi “Trốn thuế”, đã làm tăng số thuế GTGT được khấu trừ tại kỳ tính thuế quý 2 năm 2022 số tiền 32.635.952 đồng và làm giảm số thuế TNDN phải nộp năm 2022 số tiền 81.589.880 đồng.

4. Hành vi mua, sử dụng trái phép hóa đơn GTGT của Công ty Đ3 để hạch toán, kê khai báo cáo thuế của một số công ty khác

4.1. Hành vi mua, sử dụng trái phép 01 hóa đơn GTGT của Phạm Thị H13 - Giám đốc công ty TNHH thương mại và dịch vụ Huế Võ

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Huế Võ (công ty T14), địa chỉ trụ sở tại: xóm A, phường L, tỉnh Ninh Bình. Giám đốc, người đại diện theo pháp luật

là Phạm Thị H13, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ dân phố C, phường L, tỉnh Ninh Bình.

Năm 2022, công ty T14 Võ nhận thi công san lấp, đào hồ trồng cây công trình cảnh quan khu đô thị S - X, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình thi công, công ty T14 Võ đã thuê các tổ đội thi công không có tư cách pháp nhân, không xuất được hóa đơn GTGT nên Phạm Thị H13 đã nhờ tổ trưởng tổ nhân công mà công ty T14 thuê liên hệ mua 01 hóa đơn GTGT của công ty Đ3 với tổng số tiền trước thuế là 637.903.000 đồng. Sau khi mua được hóa đơn GTGT, Phạm Thị H13 đã sử dụng để hạch toán, kê khai báo cáo thuế cho công ty.

Ngày 03/9/2025, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu Giám định viên tư pháp thuế tỉnh Ninh Bình giám định tài chính.

Tại Bản kết luận giám định ngày 17/9/2025 của Tổ giám định tư pháp thuộc Thuế tỉnh Ninh Bình, kết luận: việc công ty T14 đã sử dụng 01 hóa đơn GTGT không hợp pháp để hạch toán nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế phải nộp là hành vi “Trốn thuế”, đã làm tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau tại kỳ tính thuế quý I/2023 số tiền 63.790.300 đồng dẫn đến trốn thuế GTGT kỳ tính thuế quý IV/2023 số tiền 63.790.300 đồng, đã làm tăng số lỗ phát sinh trong kỳ tính thuế TNDN năm 2023 số tiền 637.903.000 đồng, không dẫn đến trốn thuế TNDN năm 2023.

4.2. Hành vi mua, sử dụng 03 hóa đơn GTGT của Nguyễn Bá H14 - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần N4.

Công ty cổ phần N4 (công ty N4); địa chỉ trụ sở tại: phường Đ, thành phố Hà Nội. Chủ tịch HĐQT là Nguyễn Bá H14, sinh năm 1978; nơi cư trú: căn C L khu đô thị L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Năm 2022, Công ty N4 thực hiện thi công sửa chữa 02 trường THPT trên địa bàn thành phố Hà Nội. Quá trình thi công, Nguyễn Bá H14 giao cho Nguyễn Trường S (không rõ thông tin cá nhân) thuê tổ đội thi công không có tư cách pháp nhân nên không xuất được hóa đơn GTGT. Do cần hóa đơn GTGT để hạch toán, kê khai báo cáo thuế nên S đã liên hệ mua 03 hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế là 1.161.630.189 đồng của công ty Đ3. Sau khi mua được hóa đơn, Công ty N4 đã sử dụng để hạch toán, kê khai báo cáo thuế cho Công ty trong năm 2022.

Ngày 21/11/2025, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu Giám định viên tư pháp thuế tỉnh Ninh Bình giám định tài chính.

Tại Bản kết luận giám định ngày 27/11/2025 của Tổ giám định tư pháp thuộc Thuế tỉnh N kết luận: Việc Công ty CP N4 sử dụng 03 hóa đơn GTGT không hợp pháp của Công ty Đ3 để kê khai thuế GTGT quý 4/2022 và hạch toán tính thuế TNDN năm 2022 là không đúng quy định. Tuy nhiên đến ngày 08/5/2025, Công

ty CP N4 đã kê khai bổ sung, loại 03 hóa đơn GTGT của Công ty Đ3 với tổng số tiền thuế GTGT loại trừ là 92.930.415 đồng trên tờ khai thuế GTGT kỳ tính thuế Quý 4/2022; tổng chi phí loại trừ khi tính thuế TNDN là 1.161.630.189 đồng, trên tờ khai quyết toán thuế TNDN kỳ tính thuế năm 2022. Theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc H15 dẫn đến không làm giảm số tiền thuế phải nộp cho Nhà nước. Do đó, không phải là hành vi trốn thuế.

4.3. Đối với các công ty khác có liên quan đến hóa đơn GTGT của Công ty Đ3.

Quá trình điều tra, Cơ quan ANĐT đã làm việc với Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, người có liên quan của những công ty này và áp dụng triệt để các biện pháp điều tra nhưng đến nay không có căn cứ, cơ sở để chứng minh các Công ty này có mua và sử dụng trái phép hóa đơn của Công ty Đ3 nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ đề nghị xử lý trong vụ án này.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền trốn thuế để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, gồm: Phạm Văn T1 nộp 529.000.000 đồng, Bùi Thị Thu H8 nộp 172.000.000 đồng, Nguyễn Đình T nộp 3.411.750.000 đồng, Nguyễn Thanh L2 nộp 704.025.000 đồng, Nguyễn Phúc M nộp 1.230.715.332 đồng, Vũ Hồng L nộp 3.719.198.168 đồng, Nguyễn Ngọc K nộp 114.225.000 đồng và Phạm Văn T2 nộp 366.689.000 đồng.

Ngoài ra các bị cáo còn tự nguyện nộp tiền để đảm bảo thi hành án gồm: các bị cáo Vũ Hồng L, Nguyễn Đình T, Nguyễn Phúc M mỗi bị cáo đã nộp số tiền 01 tỷ đồng; Phạm Văn T1 đã nộp số tiền 200 triệu đồng, Nguyễn Thanh L2 đã nộp số tiền 300 triệu đồng, Phạm Văn T2 đã nộp số tiền 300 triệu đồng, Nguyễn Ngọc K đã nộp số tiền 100 triệu đồng, Bùi Thị Thu H8 đã nộp 10 triệu đồng.

Ngày 22/12/2025, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh N ra Lệnh phong tỏa tài khoản số 238/LPT-ANĐT-Đ1 số tiền 22.900.000 đồng trong tài khoản số 0691000318099 tại Ngân hàng TMCP N5 của bị can Bùi Thị Thu H8 để đảm bảo việc xét xử và thi hành án.

Cáo trạng số 15/CT-VKSNB-P1 ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Vũ Hồng L, Nguyễn Đình T và Nguyễn Phúc M về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thanh L2, Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 về tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Bùi Thị Thu H8 và Nguyễn Ngọc K về tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+/- Tuyên bố các bị cáo Vũ Hồng L, Nguyễn Đình T, Nguyễn Phúc M, Nguyễn Thanh L2, Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Bùi Thị Thu H8 và Nguyễn Ngọc K phạm tội “Trốn thuế”.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với các bị cáo Vũ Hồng L, Nguyễn Đình T và Nguyễn Phúc M. Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với bị cáo Vũ Hồng L. Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 1.500.000.000 đồng đến 1.600.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh L2, Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2. Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với các bị cáo Bùi Thị Thu H8 và Nguyễn Ngọc K. Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+/- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền trốn thuế cho nhà nước tại các cơ quan thuế mà doanh nghiệp có nghĩa vụ kê khai báo cáo thuế, được trừ số tiền các bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả. Tiếp tục duy trì phong tỏa số tiền 22.900.000 đồng trong tài khoản của Bùi Thị Thu H8 để đảm bảo thi hành án.

+/- Ghi nhận các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để đảm bảo thi hành án.

+/- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử phạt tiền với mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực

hiện trong vụ án điều hợp pháp.

[2] Người đại diện của các nguyên đơn dân sự là Thuế cơ sở 9 tỉnh Hưng Yên, Thuế cơ sở 4, 11, 14 và 15 Thành phố Hà Nội vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi, tội danh và vai trò của các bị cáo trong vụ án: tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được cơ quan điều tra thu thập hợp pháp và đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Do đó đã có đủ căn cứ kết luận:

3.1. Vũ Hồng L là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần P4 đã mua, sử dụng trái phép 27 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa của Công ty Đ3 với tổng số tiền trước thuế là 17.458.611.061 đồng để hạch toán, kê khai thuế GTGT quý II, III, IV/2022 và quý I/2023 và hạch toán chi phí thuế TNDN các năm 2022, 2023 cho công ty P4. Theo Kết luận giám định, việc công ty P4 sử dụng 27 hoá đơn GTGT “không” để kê khai, quyết toán thuế đã làm giảm số thuế GTGT phải nộp với số tiền là 227.475.956 đồng; làm tăng số thuế còn được khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là 1.269.568.195 đồng và làm giảm số thuế TNDN phải nộp số tiền là 3.491.722.212 đồng. Bị cáo Vũ Hồng L đã phạm tội trốn thuế với tổng số tiền là 4.988.766.363 đồng.

3.2. Nguyễn Đình T là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty X đã mua, sử dụng trái phép 22 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa của Công ty Đ3 với tổng số tiền trước thuế là 11.987.743.300 đồng để hạch toán, kê khai thuế GTGT các tháng 01, 02, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11 và 12/2022 và tháng 02, 3/2023 và hạch toán chi phí thuế TNDN các năm 2022, 2023 cho công ty X. Theo Kết luận giám định, việc công ty X đã sử dụng 22 hoá đơn GTGT “không” để kê khai, quyết toán thuế đã làm giảm số thuế GTGT phải nộp với số tiền là 1.014.202.183 đồng và làm giảm số thuế TNDN phải nộp với số tiền là 2.397.548.660 đồng. Bị cáo Nguyễn Đình T đã phạm tội trốn thuế với tổng số tiền là 3.411.750.843 đồng.

3.3. Nguyễn Phúc M là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần V2 và xây dựng Thống N2 đã mua, sử dụng 10 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa với tổng số tiền trước thuế là 4.398.043.269 đồng để hạch toán, kê khai thuế GTGT các tháng 01, 3 và 4/2022 và hạch toán chi phí thuế TNDN năm 2022 cho công ty V2. Theo Kết luận giám định, việc công ty V2 đã sử dụng

10 hoá đơn GTGT “không” để kê khai, quyết toán thuế đã làm giảm số thuế GTGT phải nộp với số tiền là 277.181.546 đồng; tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau là 74.105.132 đồng và làm giảm số thuế TNDN phải nộp với số tiền là 879.428.654 đồng. Bị cáo Nguyễn Phúc M đã phạm tội trốn thuế với tổng số tiền là 1.230.715.332 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Vũ Hồng L, Nguyễn Đình T và Nguyễn Phúc M đã phạm vào tội “*Trốn thuế*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

3.4. Nguyễn Thanh L2 là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty D5 đã mua, sử dụng 01 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa của Công ty Đ3 với tổng số tiền trước thuế là 2.346.750.125 đồng để hạch toán, kê khai thuế GTGT tháng 02/2022 và hạch toán chi phí tính thuế TNDN năm 2022 cho công ty D5. Theo Kết luận giám định, việc công ty D5 sử dụng 01 hoá đơn GTGT “không” để kê khai, quyết toán thuế đã làm tăng số thuế GTGT còn khấu trừ chuyển kỳ sau dẫn đến giảm số tiền thuế GTGT phải nộp với số tiền là 234.675.012 đồng, giảm tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2022 với số tiền là 469.350.025 đồng. Bị cáo Nguyễn Thanh L2 đã phạm tội trốn thuế với tổng số tiền là 704.025.037 đồng.

3.5. Phạm Văn T1 là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T11 đã mua, sử dụng trái phép 02 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa của Công ty P5 và Công ty K1 với tổng số tiền trước thuế là 2.001.423.100 đồng để hạch toán, kê khai thuế GTGT quý IV/2022 và hạch toán chi phí tính thuế TNDN năm 2022 cho công ty T11. Theo Kết luận giám định, việc công ty T11 đã sử dụng 02 hoá đơn GTGT “không” để kê khai, quyết toán thuế đã làm giảm số thuế GTGT phải nộp với số tiền là 163.557.022 đồng; tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau với số tiền là 36.585.288 đồng và giảm tiền thuế TNDN phải nộp năm 2022 số tiền là 364.688.432 đồng. Bị cáo Phạm Văn T1 đã phạm tội trốn thuế với tổng số tiền là 564.830.742 đồng.

3.6. Phạm Văn T2 là Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần T12 đã mua, sử dụng trái phép 03 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa với tổng số tiền trước thuế là 1.309.603.994 đồng của Công ty Đ3 để hạch toán, kê khai thuế GTGT quý IV/2022 và hạch toán chi phí tính thuế TNDN năm 2022 cho công ty T12. Theo Kết luận giám định, việc công ty T12 đã sử dụng 03 hoá đơn GTGT “không” để kê khai, quyết toán thuế đã làm giảm số thuế GTGT phải nộp với số tiền là 39.153.994 đồng; làm tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau với số tiền là 65.614.327 đồng và làm giảm số TNDN năm 2022 phải nộp với số tiền là 261.920.798 đồng. Bị cáo Phạm Văn T2 đã phạm tội trốn thuế với tổng số tiền là 366.689.119 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thanh L2, Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 đã phạm vào tội “Trốn thuế”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

3.7. Bùi Thị Thu H8 là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty D6 đã mua, sử dụng trái phép 01 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa của Công ty D7 với tổng số tiền trước thuế là 695.200.000 đồng để hạch toán, kê khai thuế GTGT quý 2/2022 và hạch toán chi phí tính thuế TNDN năm 2022 cho Công ty D6. Theo Kết luận giám định, việc công ty D6 sử dụng 01 hoá đơn GTGT “không” để kê khai, quyết toán thuế đã làm giảm số tiền thuế GTGT là 55.620.000 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp là 139.050.000 đồng. Bị cáo Bùi Thị Thu H8 đã phạm tội trốn thuế với tổng số tiền là 194.670.000 đồng.

3.8. Nguyễn Ngọc K là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần X1 đã mua, sử dụng trái phép 01 hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa của Công ty Đ3 với tổng số tiền trước thuế 407.949.400 đồng để hạch toán, kê khai thuế GTGT quý 2/2022 và hạch toán chi phí tính thuế TNDN năm 2022 cho Công ty X1. Theo Kết luận giám định, việc công ty X1 sử dụng 01 hoá đơn GTGT “không” để kê khai, quyết toán thuế đã làm tăng số thuế GTGT được khấu trừ tại kỳ tính thuế quý 2 năm 2022 số tiền 32.635.952 đồng và làm giảm số thuế TNDN phải nộp năm 2022 số tiền 81.589.880 đồng. Bị cáo Nguyễn Ngọc K đã phạm tội trốn thuế với tổng số tiền là 114.225.832 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Bùi Thị Thu H8 và Nguyễn Ngọc K đã phạm vào tội “Trốn thuế”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[4] Về vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về vai trò: vụ án không có đồng phạm, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội riêng lẻ nên chịu trách nhiệm hình sự độc lập với nhau.

Về nhân thân: các bị cáo Vũ Hồng L, Nguyễn Phúc M, Phạm Văn T2, Nguyễn Ngọc K, Bùi Thị Thu H8, Nguyễn Đình T và Nguyễn Thanh L2 đều có nhân thân tốt. Riêng bị cáo Phạm Văn T1 là người có nhân thân không tốt; cụ thể, ngày 29/11/2000, bị cáo đã bị Công an tỉnh H (nay là Hải Phòng) xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 200.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Do đó, các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo K, H8, L2, T1 và T2 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1

Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L có bố đẻ là thương binh, bố vợ tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo Vũ Hồng L, Nguyễn Đình T, Phạm Văn T1, Nguyễn Phúc M, Phạm Văn T2, Nguyễn Thanh L2, Bùi Thị Thu H8 và Nguyễn Ngọc K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt chính: hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, làm thất thu ngân sách của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trên địa bàn.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy: các bị cáo Vũ Hồng L, Nguyễn Đình T, Nguyễn Phúc M, Nguyễn Thanh L2, Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Ngọc K và Bùi Thị Thu H8 đã có ý thức chủ động nộp lại toàn bộ số tiền đã trốn thuế; các bị cáo đều là những người không có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền thuế GTGT được khấu trừ chuyển kỳ sau do các bị cáo Vũ Hồng L, Nguyễn Phúc M, Phạm Văn T2, Phạm Văn T1 và Nguyễn Ngọc K đã sử dụng hoá đơn GTGT “khống” để kê khai, báo cáo thuế GTGT. Ngày 06/4/2026, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã có văn bản số 267/2026/CV-TA đề nghị Thuế tỉnh Ninh Bình có ý kiến đối với số tiền mà các bị cáo làm tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau cụ thể: bị cáo Vũ Hồng L số tiền 1.269.568.195 đồng; bị cáo Nguyễn Phúc M số tiền 74.105.132 đồng; bị cáo Phạm Văn T2 số tiền 65.614.327 đồng; bị cáo Nguyễn Ngọc K số tiền 32.635.952 đồng và bị cáo Phạm Văn T1 số tiền 36.585.288 đồng có phải hoàn trả cho các cơ sở thuế hay không? Ngày 23/4/2026, T10 tỉnh Ninh Bình có ý kiến trả lời do chưa phát sinh tiền thuế giá trị gia tăng vào ngân sách Nhà nước trong phạm vi yêu cầu giám định nên các bị cáo không phải nộp số tiền theo như văn bản Tòa án đã yêu cầu.

Hội đồng xét xử thấy, do chưa đến kỳ kê khai, báo cáo thuế; chưa phát sinh thuế GTGT phải nộp của kỳ sau nên công ty P4, công ty V2, công ty T12, công ty T11 và công ty X1 chưa được khấu trừ thuế; các bị cáo L, M, T2, T1 và K chưa được hưởng lợi; ngân sách Nhà nước chưa bị thiệt hại nên không đủ căn cứ để buộc các bị cáo L, M, T2, T1 và K phải bồi hoàn số tiền thuế GTGT được chuyển kỳ sau tăng lên, cụ thể: Bị cáo Vũ Hồng L số tiền 1.269.568.195 đồng; bị cáo Nguyễn Phúc M số tiền 74.105.132 đồng; bị cáo Phạm Văn T2 số tiền 65.614.327 đồng; bị cáo Nguyễn Ngọc K số tiền 32.635.952 đồng và Phạm Văn T1 số tiền 36.585.288 đồng.

Căn cứ vào hành vi mà các bị cáo đã thực hiện và văn bản phúc đáp của Thuế tỉnh Ninh Bình, các bị cáo Vũ Hồng L, Nguyễn Phúc M, Phạm Văn T2, Nguyễn Ngọc K, Bùi Thị Thu H8, Nguyễn Đình T, Phạm Văn T1 và Nguyễn Thanh L2 phải hoàn trả cho các nguyên đơn số tiền đã trốn thuế, cụ thể như sau:

Bị cáo Vũ Hồng L phải hoàn trả cho Thuế cơ sở 11 thành phố Hà Nội số tiền 3.719.198.168 đồng. Đối trừ số tiền 2.000.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra, bị cáo còn phải tiếp tục hoàn trả số tiền 1.719.198.168 đồng. Số tiền bị cáo L tiếp tục phải hoàn trả được đối trừ với số tiền nộp khắc phục hậu quả tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tiền số 0001109 ngày 20/3/2026 với số tiền 1.719.198.168 đồng, bị cáo đã nộp đủ.

Bị cáo Nguyễn Đình T phải hoàn trả cho T10 thành phố Hà Nội số tiền 3.411.750.843 đồng (được làm tròn 3.411.750.000 đồng theo đề nghị của đại diện Thuế thành phố H tại phiên tòa). Đối trừ số tiền 3.411.750.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra, bị cáo đã nộp đủ.

Bị cáo Nguyễn Phúc M phải hoàn trả cho T10 cơ sở 15 thành phố Hà Nội số tiền 1.156.610.200 đồng (được làm tròn 1.156.610.000 đồng). Đối trừ số tiền 1.156.610.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra, bị cáo đã nộp đủ.

Bị cáo Nguyễn Thanh L2 phải hoàn trả cho T10 cơ sở 15 thành phố Hà Nội số tiền 704.025.037 đồng (được làm tròn 704.025.000 đồng). Đối trừ số tiền 704.025.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra, bị cáo đã nộp đủ.

Bị cáo Phạm Văn T1 phải hoàn trả cho Thuế cơ sở 9 tỉnh Hưng Yên số tiền 528.245.454 đồng. Đối trừ số tiền 400.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra và 129.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại giai đoạn chuẩn bị xét xử theo biên lai thu tiền số 0001205 ngày 27/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, bị cáo đã nộp đủ. Số tiền còn lại sau khi đối trừ là 754.546 đồng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Phạm Văn T2 phải hoàn trả cho T10 cơ sở 14 thành phố Hà Nội số tiền 301.074.792 đồng. Đối trừ với số tiền 366.689.000 đồng bị cáo đã tự nguyện

nộp tại cơ quan điều tra, bị cáo đã nộp đủ. Số tiền còn lại sau khi đối trừ là 65.614.208 đồng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Bùi Thị Thu H8 phải hoàn trả cho T10 cơ sở 5 thành phố Hà Nội số tiền 194.670.000 đồng. Đối trừ với số tiền 50.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra và số tiền 122.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001125 ngày 23 tháng 3 năm 2026; biên lai thu tiền số 0001459 ngày 17 tháng 4 năm 2026 và biên lai thu tiền số 0001477 ngày 20 tháng 4 năm 2026; số tiền 22.900.000 đồng trong tài khoản số 0691000318099 tại Ngân hàng TMCP N5 của bị cáo H8, bị cáo đã nộp đủ. Số tiền còn lại sau khi đối trừ là 230.000 đồng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Ngọc K phải hoàn trả cho T10 cơ sở 4 thành phố Hà Nội số tiền 81.589.880 đồng. Đối trừ với số tiền 114.225.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra, bị cáo đã nộp đủ. Số tiền còn lại sau khi đối trừ là 32.635.120 đồng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[8] Về vật chứng của vụ án: số tiền 8.203.299.000 đồng theo Ủy nhiệm chi lập ngày 12/02/2026 tại Kho bạc Nhà nước khu vực V là số tiền các bị cáo đã nộp để khắc phục trong giai đoạn điều tra (cụ thể: Bị cáo Phạm Văn T1 giao nộp 400.000.000 đồng, bị cáo Bùi Thị Thu H8 nộp 50.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Đình T nộp 3.411.750.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thanh L2 nộp 704.025.000 đồng, bị cáo Nguyễn Phúc M nộp 1.156.610.000 đồng, bị cáo Vũ Hồng L nộp 2.000.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc K nộp 114.225.000 đồng và bị cáo Phạm Văn T2 nộp 366.689.000 đồng) sẽ được đối trừ vào số tiền các bị cáo phải hoàn trả trong phần trách nhiệm dân sự mà các bị cáo có nghĩa vụ phải thực hiện.

Ghi nhận các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để đảm bảo thi hành án, cụ thể: bị cáo Vũ Hồng L đã nộp 1.000.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001489 ngày 20/4/2026; bị cáo Nguyễn Đình T đã nộp 1.000.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001488 ngày 20/4/2026; bị cáo Nguyễn Phúc M đã nộp 1.074.105.132 đồng tại biên lai thu tiền số 0001068 ngày 19/3/2026 và biên lai thu tiền số 0001490 ngày 20/4/2026; bị cáo Nguyễn Thanh L2 đã nộp 300.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001482 ngày 20/4/2026; bị cáo Phạm Văn T1 đã nộp 200.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001501 ngày 21/4/2026; bị cáo Nguyễn Ngọc K đã nộp 100.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001508 ngày 21/4/2026; bị cáo Phạm Văn T2 nộp 300.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001536 ngày 22/4/2026; bị cáo Bùi Thị Thu H8 nộp 10.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001557 ngày 23/4/2026.

[9] Về các vấn đề khác của vụ án:

9.1. Đối với Phạm Thị H13 - Giám đốc Công ty TNHH T14 V1 là người đã mua 01 hóa đơn GTGT của Công ty Đ3 để hạch toán, kê khai thuế nhưng số tiền

trốn thuế dưới 100 triệu đồng, bản thân Huế chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế, chưa bị kết án về một trong các tội được quy định tại Điều 200 Bộ luật hình sự chưa được xóa án tích nên Cơ quan ANĐT Công an tỉnh N đã chuyển toàn bộ hồ sơ tài liệu liên quan đến Cơ quan quản lý thuế đề nghị xử lý là đúng quy định của pháp luật.

9.2. Đối với Nguyễn Bá H14 - Giám đốc Công ty CP N4 là người đã mua 03 hóa đơn GTGT của Công ty Đ3 để kê khai quyết toán thuế năm 2022 cho Công ty CP N4. Tuy nhiên sau đó Công ty CP N4 đã kê khai bổ sung loại 03 hoá đơn GTGT không làm giảm số tiền thuế phải nộp, không phải là hành vi trốn thuế nên Cơ quan ANĐT Công an tỉnh N không xử lý trách nhiệm hình sự đối với H14 là phù hợp quy định của pháp luật.

9.3. Đối với Trần Thị Anh T8 là người sử dụng tài khoản của mình chuyển tiền đến tài khoản cá nhân Phạm Văn T1 trong quá trình mua bán trái phép hóa đơn giữa Công ty T11 và Công ty P5, Công ty K1. Quá trình điều tra T8 khai nhận được ông Trần Đình C2 nhờ chuyển hộ tiền vào số tài khoản do ông C2 cung cấp (*ông Trần Đình C2 đã chết ngày 11/10/2023*), T8 không biết Phạm Văn T1 và cũng không biết việc chuyển tiền liên quan đến mua bán trái phép hóa đơn nên Cơ quan ANĐT Công an tỉnh N không đủ căn cứ để xử lý trong vụ án này là có căn cứ.

[10] Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với các bị cáo Vũ Hồng L, Nguyễn Đình T và Nguyễn Phúc M. Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với bị cáo Vũ Hồng L.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh L2, Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với các bị cáo Bùi Thị Thu H8 và Nguyễn Ngọc K.

Áp dụng các Điều 106, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Hồng L, Nguyễn Đình T, Nguyễn Phúc M, Nguyễn Thanh L2, Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Bùi Thị Thu H8 và Nguyễn Ngọc K phạm tội “Trốn thuế”.

2. Xử phạt:

2.1. Bị cáo Vũ Hồng L số tiền 1.600.000.000đ (*một tỷ sáu trăm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

2.2. Bị cáo Nguyễn Đình T số tiền 1.550.000.000đ (*một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

2.3. Bị cáo Nguyễn Phúc M số tiền 1.500.000.000đ (*một tỷ năm trăm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

2.4. Bị cáo Nguyễn Thanh L2 số tiền 600.000.000đ (*sáu trăm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

2.5. Bị cáo Phạm Văn T1 số tiền 550.000.000đ (*năm trăm năm mươi triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

2.6. Bị cáo Phạm Văn T2 số tiền 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

2.7. Bị cáo Bùi Thị Thu H8 số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

2.8. Bị cáo Nguyễn Ngọc K số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Bị cáo Vũ Hồng L phải hoàn trả cho T10 cơ sở 11 thành phố Hà Nội số tiền 3.719.198.168 đồng. Đối trừ số tiền 2.000.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra và số tiền 1.719.198.168 đồng tại biên lai thu tiền số 0001109 ngày 20/3/2026, bị cáo L đã nộp đủ.

3.2. Bị cáo Nguyễn Đình T phải hoàn trả cho T10 thành phố Hà Nội số tiền 3.411.750.000 đồng. Đối trừ số tiền 3.411.750.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra, bị cáo đã nộp đủ.

3.3. Bị cáo Nguyễn Phúc M phải hoàn trả cho T10 cơ sở 15 thành phố Hà Nội số tiền 1.156.610.000 đồng. Đối trừ số tiền 1.156.610.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra, bị cáo đã nộp đủ.

3.4. Bị cáo Nguyễn Thanh L2 phải hoà trả cho T10 cơ sở 15 thành phố Hà Nội số tiền 704.025.000 đồng. Đối trừ số tiền 704.025.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra, bị cáo đã nộp đủ.

3.5. Bị cáo Phạm Văn T1 phải hoàn trả cho Thuế cơ sở 9 tỉnh Hưng Yên số tiền 528.245.454 đồng. Đối trừ số tiền 400.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra và 129.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001205 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã nộp đủ. Tiếp tục giữ lại số tiền còn lại là 754.546 đồng bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001205 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để đảm bảo thi hành án.

3.6. Bị cáo Phạm Văn T2 phải hoàn trả cho T10 cơ sở 14 thành phố Hà Nội số tiền 301.074.792 đồng. Đối trừ với số tiền 366.689.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra, bị cáo đã nộp đủ. Tiếp tục giữ lại số tiền còn lại là 65.614.208 đồng bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án.

3.7. Bị cáo Bùi Thị Thu H8 phải hoàn trả cho T10 cơ sở 5 thành phố Hà Nội số tiền 194.670.000 đồng. Đối trừ với số tiền 50.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra và số tiền 122.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001125 ngày 23 tháng 3 năm 2026; biên lai thu tiền số 0001459 ngày 17 tháng 4 năm 2026 và biên lai thu tiền số 0001477 ngày 20 tháng 4 năm 2026; số tiền 22.900.000 đồng trong tài khoản số 0691000318099 tại Ngân hàng TMCP N5 của bị cáo H8, bị cáo đã nộp đủ. Tiếp tục giữ lại số tiền còn lại là 230.000 đồng bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án.

3.8. Bị cáo Nguyễn Ngọc K phải hoàn trả cho T10 cơ sở 4 thành phố Hà Nội số tiền 81.589.880 đồng. Đối trừ với số tiền 114.225.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra, bị cáo đã nộp đủ. Tiếp tục giữ lại số tiền còn lại là 32.635.120 đồng bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình có trách nhiệm chuyển số tiền số tiền 8.105.049.672 đồng tại Kho bạc Nhà nước khu vực V theo Ủy nhiệm chi số 161 lập ngày 12/02/2026 (cụ thể: Bị cáo Phạm Văn T1 số tiền 400.000.000 đồng, bị cáo Bùi Thị Thu H8 số tiền 50.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Đình T số tiền 3.411.750.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thanh L2 số tiền 704.025.000 đồng, bị cáo Nguyễn Phúc M số tiền 1.156.610.000 đồng, bị cáo Vũ Hồng L số tiền 2.000.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc K số tiền 81.589.880 đồng và bị cáo Phạm Văn T2 số tiền 301.074.792); chuyển số tiền 121.770.000 đồng bị cáo H8 đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001125 ngày 23 tháng 3 năm 2026, biên lai thu tiền số 0001459 ngày 17 tháng 4 năm 2026 và biên lai thu tiền số 0001477 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình; chuyển số tiền 1.719.198.168

đồng bị cáo L đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001109 ngày 20/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình; chuyển 22.900.000 đồng trong tài khoản ngân hàng số 0691000318099 tại ngân hàng TMCP N5 của bị cáo H8; chuyển số tiền 128.245.454 đồng bị cáo T1 đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001205 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình vào tài khoản thu ngân sách Nhà nước của Thuế các cơ sở 4, 5, 11, 14, 15 thành phố Hà Nội; Thuế thành phố Hà Nội và Thuế cơ sở 9 tỉnh Hưng Yên theo quy định của pháp luật.

Số tiền còn lại do các bị cáo đã nộp trong tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo Ủy nhiệm chi lập ngày 12/02/2026 (cụ thể: Số tiền bị cáo T2 nộp còn 65.614.208 đồng, bị cáo K nộp còn 32.635.120 đồng); số tiền bị cáo H8 nộp còn 230.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001477 ngày 20/4/2026 và số tiền bị cáo T1 nộp còn 754.546 đồng tại biên lai thu tiền số 0001205 ngày 27/3/2026 sẽ tiếp tục được giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo Vũ Hồng L, Nguyễn Phúc M, Phạm Văn T1, Phạm Văn T2 và Nguyễn Ngọc K có trách nhiệm liên hệ đến các đơn vị Thuế có thẩm quyền để thực hiện kê khai, điều chỉnh giảm số tiền thuế GTGT được khấu trừ chuyển kỳ sau theo quy định của pháp luật.

4.2. Ngân hàng TMCP N5 có trách nhiệm phối hợp với Thi hành án dân sự tỉnh N mở phong toả tài khoản số 0691000318099 của bị cáo Bùi Thị Thu H8 (Theo lệnh phong toả tài khoản số 238/LPT-ANĐT-Đ1 ngày 22/12/2025 của cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh N).

(Số tiền 8.203.299.000 đồng tại tài khoản số 3949.0.1054125.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình mở tại Kho bạc Nhà nước khu vực V theo Ủy nhiệm chi số 161 lập ngày 12/02/2026).

4.3. Ghi nhận các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để đảm bảo thi hành án, cụ thể: bị cáo Vũ Hồng L đã nộp 1.000.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001489 ngày 20/4/2026; bị cáo Nguyễn Đình T đã nộp 1.000.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001488 ngày 20/4/2026; bị cáo Nguyễn Phúc M đã nộp 1.074.105.132 đồng tại biên lai thu tiền số 0001068 ngày 19/3/2026 và biên lai thu tiền số 0001490 ngày 20/4/2026; bị cáo Nguyễn Thanh L2 đã nộp 300.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001482 ngày 20/4/2026; bị cáo Phạm Văn T1 đã nộp 200.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001501 ngày 21/4/2026; bị cáo Nguyễn Ngọc K đã nộp 100.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001508 ngày 21/4/2026; bị cáo Phạm Văn T2 nộp 300.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001536 ngày 22/4/2026; bị cáo Bùi Thị Thu H8 nộp 10.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001557 ngày 23/4/2026.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Vũ Hồng L, Nguyễn Đình T, Nguyễn Phúc M, Nguyễn Thanh L2, Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Bùi Thị Thu H8 và Nguyễn

Ngọc K, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo và nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cơ quan ANĐT – Công an tỉnh Ninh Bình
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng NVHS - Công an tỉnh Ninh Bình;
- Phòng TT, KTNV & THA TA tỉnh;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu bộ phận HCTP, tòa HS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tạ Văn Vinh